TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2026/DS-ST
Ngày: 10-7-2026
"V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Tư.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Văn Quyến

2. Bà Nguyễn Thị Huế Thanh

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Trần Văn Huynh - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số **291**/2026/TLST-DS ngày 27/05/2026 về việc: "Tranh chấp hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 351/2026/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 269/2026/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ H, sinh năm: 1976, CCCD số: 094176008258 do Cục cảnh sát quản lý hành chính trật tự xã hội cấp ngày 13/8/2021. Địa chỉ: Ấp K, xã K, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Bị đơn:

Bà Bùi Thị T, sinh năm 1973 (có mặt)

Ông Huỳnh Văn K (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã K, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2026 nguyên đơn bà ***Lê Thị Mỹ H trình bày:*** Bà Bùi Thị T và ông Huỳnh K có mở các dây hụi tháng, bà Lê Thị Mỹ H là hụi viên có tham gia các dây hụi gồm:

Dây hụi 1: Hụi tháng 2.000.000 đồng, hụi mở ngày 30/04/2024, có 30 phần, bà H tham gia 01 phần, tên trong giấy hụi là "Mỹ Hằng" và đã đóng hụi sống cho đến mãn hụi được 13 lần với số tiền là 2.000.000 đồng x 13 lần x 01 phần = 26.000.000 đồng.

Dây hụi 2: Hụi tháng 2.000.000 đồng, hụi mở ngày 30/04/2024, có 30 phần, bà H tham gia 01 phần, đóng hụi sống được 13 lần với số tiền là 2.000.000 đồng x 13 lần x 01 phần = 26.000.000 đồng.

Dây hụi 3: Hụi tháng 2.000.000 đồng, hụi mở ngày 15/04/2025, có 33 phần, bà H tham gia 01 phần, đã đóng hụi sống được 02 lần với số tiền là 2.000.000 đồng x 02 lần x 01 phần = 4.000.000 đồng.

Dây hụi 4: Hụi tháng 5.000.000 đồng, hụi mở ngày 10/08/2024 âm lịch, có 22 phần, bà H tham gia 01 phần, đóng hụi sống được 09 lần với số tiền là 5.000.000 đồng x 9 lần x 01 phần = 45.000.000 đồng.

Dây hụi 5: Hụi mùa 10.000.000 đồng, hụi mở ngày 30/07/2024 âm lịch, có 18 phần, bà H tham gia 01 phần, đóng hụi sống được 03 lần với số tiền là 10.000.000 đồng x 03 lần x 01 phần = 30.000.000 đồng.

Nhưng đến tháng 05/2025, bà T và ông K ngưng khui tất cả các dây hụi nhưng không giao tiền hụi cho bà H mà chỉ hứa hẹn nhiều lần. cộng 5 dây hụi nêu trên bà T và ông K còn nợ bà H 131.000.000 đồng, sau khi sau khi trừ tiền đầu thảo của 05 dây hụi là 10.500.000 đồng và tiền hụi chết mà bà H còn nợ bà T 2.000.000 đồng thì còn lại là 118.500.000 đồng, bà H yêu cầu bà T trả số tiền này và không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền này.

Tại phiên tòa, bà H rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà Huỳnh Thị Cẩm T1 do bà T1 là con ruột của bà T, ông K nhưng chỉ là người đi thu tiền hụi giúp bà T, ông K.

- *Bị đơn bà Bùi Thị T trình bày:* Bà thừa nhận bà H có tham gia các dây hụi và đóng hụi sống với số lần tương ứng với từng dây hụi như bà H đã trình bày. Tuy nhiên, bà không đồng ý trả số tiền mà bà H yêu cầu mà chỉ đồng ý trả số tiền vốn mà bà H đã đóng của mỗi dây hụi, cụ thể

Dây hụi 1: Hụi tháng 2.000.000 đồng, hụi mở ngày 30/04/2024 dương lịch, có 30 phần, tôitham gia 01 phần, tên trong giấy hụi dây 2 là "Mỹ Hằng", đã đóng hụi sống được 13 lần với số tiền vốn là 15.610.000 đồng.

Dây hụi 2 Hụi tháng 2.000.000 đồng, hụi mở ngày 30/04/2024 dương lịch, có 30 phần, tôitham gia 01 phần, tên trong giấy hụi dây 3 là "Mỹ Hằng", đã đóng hụi sống được 13 lần với số tiền vốn là 15.600.000 đồng.

Dây hụi 3: Hụi tháng 2.000.000 đồng, hụi mở ngày 15/04/2025 dương lịch, có 33 phần, tôi tham gia 01 phần, tên trong giấy hụi dây 1 là "MỸ HẰNG", đã đóng hụi sống được 02 lần với số tiền là 2.720.000 đồng;

D hụi 4: Hụi tháng 5.000.000 đồng, hụi mở ngày 10/08/2024 dương lịch, có 22 phần, tôi tham gia 01 phần, tên trong giấy hụi là "Mỹ Hằng", đã đóng hụi sống được 09 lần với số tiền là 31.950.000 đồng.

Dây hụi 5: Hụi mùa 10.000.000 đồng, hụi mở ngày 30/07/2024 âm lịch, có 18 phần, tôi tham gia 01 phần, tên trong giấy hụi là "Mỹ hằng", đã đóng hụi sống được 03 lần với số tiền là: 10.000.000 đồng x 03 lần x 01 phần = 16.910.000 đồng.

Tổng cộng 05 dây hụi bà còn nợ bà H số tiền 82.790.000 đồng, sau khi trừ tiền đầu thảo của 05 dây hụi là 10.500.000 đồng và tiền nợ của dây hụi tháng 2.000.000 đồng mở ngày 25/5/2025 dương lịch mà bà H chưa đóng cho tôi 2.000.000 đồng thì bà còn nợ lại bà Hằng số tiền 70.290.000 đồng nên bà chỉ đồng ý trả cho bà Hằng số tiền này và trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền còn nợ.

Chồng bà là ông Huỳnh Văn K không có cùng bà làm chủ hụi do bà không mở hụi tại nhà mà các kỳ mở hụi được tiến hành tại nơi bà buôn bán (quán), số tiền có được từ việc làm đầu thảo hụi thì bà dùng để bù đắp vào các khoản hụi mà hụi viên không đóng cho bà.

Bị đơn ông Huỳnh Văn K đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án: Bà Lê Thị Mỹ H yêu cầu Tòa án yêu cầu Tòa án buộc bà Bùi Thị T và ông Huỳnh K và bà Huỳnh Thị Cẩm T1 phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà số tiền hụi còn nợ 131.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi trừ tiền đầu thảo10.500.000 đồng và hụi bà còn nợ bà T 2.000.000 đồng thì còn lại là 118.500.000 đồng, bà H yêu cầu bà T và ông K trả lại cho bà số tiền này và rút lại yêu cầu khởi kiện đối số tiền 12.500.000 đồng và yêu cầu khởi kiện đối với bà Huỳnh Thị Cẩm T1. Xét thấy việc bà H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ theo khoản 2 Điều 244 đối với phần yêu cầu khởi kiện mà bà H đã rút.

Tại phiên tòa, bà H và và T thống nhất xác định bà có tham gia các dây hụi do bà T làm chủ hụi gồm hụi tháng 2.000.000 đồng, hụi mở ngày 30/04/2024 dương lịch, có 30 phần, bà H1 gia 01 phần,đóng hụi sống được 13 lần;hụi tháng 2.000.000 đồng, hụi mở ngày 30/04/2024 dương lịch, có 30 phần, bà H tham gia 01 phần, đã đóng hụi sống được 13 lần; Hụi tháng 2.000.000 đồng, hụi mở ngày 15/04/2025 dương lịch, có 33 phần, bà H1 gia 01 phần đã đóng hụi sống được 02 lần; hụi tháng 5.000.000 đồng, hụi mở ngày 10/08/2024 dương lịch, có 22 phần, bà H1 gia 01 phần, đã đóng hụi sống được 09 lần; hụi mùa 10.000.000 đồng, hụi mở ngày 30/07/2024 âm lịch, có 18 phần, bà H1 gia 01 phần, đã đóng hụi sống được 03 lần. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Mặc dù thống nhất xác định việc bà H có tham gia các dây hụi nêu trên nhưng bà T không đồng ý trả số tiền nợ của từng dây hụi có tiền lãi như bà H yêu cầu, bà T xác định bà đã đóng số tiền vốn là 82.790.000 đồng, sau khi trừ tiền đầu thảo của 05 dây hụi là 10.500.000 đồng và tiền nợ của dây hụi tháng 2.000.000 đồng mở ngày 25/5/2025 dương lịch mà bà H chưa đóng cho bà 2.000.000 đồng thì còn lại là 70.290.000 đồng bà chỉ đồng ý trả cho bà Hằng số tiền này và trả dần mỗi tháng 500.000 đồng. Xét thấy, khi tham gia giao dịch hụi, các bên đều thỏa thuận là hụi có lãi, việc buộc bà T trả lãi đối với các lần nguyên đơn đóng hụi sống theo thỏa

thuận của các bên trong quá trình chơi hụi là phù hợp nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của hụi viên khi tham gia chơi hụi, bởi lẽ, khi tham gia hụi, các hụi viên đều có mong muốn tích góp tiền để phục vụ cho mục đích sử dụng của mình và mong muốn số tiền bỏ ra sẽ sinh lời và cụ thể số tiền lời ở đây là khoản tiền mà các hụi viên hốt trước bỏ ra để cho các hụi viên hốt sau được hưởng. Trường hợp các hụi viên đã lĩnh hụi (hốt hụi) nhưng không đóng hụi chết đầy đủ mà chủ hụi phải đóng thay thì khi khởi kiện các hụi viên này bà T vẫn được quyền yêu cầu trả số tiền vốn, lãi hụi. Vì vậy bà H yêu cầu bà T trả số tiền 118.500.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Đối với nghĩa vụ của ông Huỳnh An K1, bà T cho rằng ông K1 không cùng bà làm chủ hụi và không biết việc bà làm chủ hụi, số tiền bà có được từ việc làm chủ hụi (tiền đầu thảo) thì bà chỉ dùng để bù đắp các phần hụi mà hụi viên không đóng. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 12/6/2026 bà T thừa nhận ông K1 có biết việc bà có làm chủ các dây hụi, không biết làm chủ những dây hụi nào và số tiền bà có được từ việc làm chủ hụi cũng sử dụng cho các chi phí trong sinh hoạt thiết yếu của gia đình, đồng thời, tại phiên tòa bà T cũng xác định khi các hụi viên đóng hụi thì có đến nhà bà để đóng, như vậy có cơ sở để xác định số tiền mà bà H yêu cầu trong vụ án này là nợ chung của bà T và ông K1. Trong quá trình chơi hụi, phía bà T, ông K1 là người có lỗi, vì không thực hiện đúng nghĩa vụ giao tiền hụi đầy đủ cho nguyên đơn. Vì vậy, việc bà H yêu cầu bà T và ông K1 trả tiền hụi còn nợ là cho bà là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 18, Điều 23, Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, phường và việc buộc ông Huỳnh Văn K có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả số tiền 118.500.000 đồng cho bà H là phù hợp với quy định tại Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Việc bà T yêu cầu được trả dần cho bà H mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền còn nợ không được bà H chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét. Việc trả dần sẽ được các bên thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên bị đơn bà Bùi Thị T và ông Huỳnh Văn K phải có trách nhiệm liên đới chịu số tiền án phí là 118.500.000 đồng x 5% = 5.925.000 đồng.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật Thi hành án dân sự năm 2025; các Điều 18, 23, 25, 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, phường;

- Căn cứ Điều26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ H về việc bà H yêu cầu bà Bùi Thị T và ông Huỳnh Văn K liên đới trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 12.500.000 đồng và yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà Huỳnh Thị Cẩm T2.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ H. Buộc bà Bùi Thị T và ông Huỳnh Văn K có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Mỹ H số tiền hụi còn nợ là 118.500.000 đồng (một trăm mười tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Lê Thị Mỹ H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Bùi Thị T và ông Huỳnh Văn K còn phải có trách nhiệm liên đới trả lãi cho bà Lê Thị Mỹ H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị T và ông Huỳnh Văn K phải có trách nhiệm liên đới chịu số tiền án phí là 5.925.000 đồng. Bà Lê Thị Mỹ H không phải chịu án phí. Trả lại cho bà Lê Thị Mỹ H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.275.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010625 ngày 25/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án nhân dân thành phố Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 36, và 72 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND KV10-Cần Thơ;
- THADS TPCT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thị Tư